TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37/2025/QĐST-DS	*Thanh Hóa, ngày 21 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 69/2025/TLST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2025,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

+ Công ty cổ phần M (Mars)

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Thịnh Mai G và ông Trần Tất Đ - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Cùng địa chỉ: Tầng C, TTTM T, số B - 29 đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Tống Thị L - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng C, TTTM T, số B - 29 đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Ông **Đoàn Trung Đ1**; sinh năm: 1974

Bà **Ngô Thị H**; sinh năm: 1977

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã S (xã X, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 13/8/2025 ông Đoàn Trung Đ1 và bà Ngô Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M theo các hợp đồng tín dụng, gồm: Hợp đồng cho vay số LN2210167104840 ký ngày 21/10/2022, Hợp đồng cho vay số LN2103093456127 ký ngày 12/04/2021, Hợp đồng cho vay số LN2309110226348 ký ngày 22/09/2023, Hợp đồng cho vay số LN2104223650119 ký ngày 27/04/2021, Hợp đồng cho vay số LN2406283053534 ký ngày 04/07/2024, Hợp đồng cho vay số LN2309200311686 ký ngày 28/09/2023, với tổng số tiền là 5.145.871.512 đồng, trong đó: Nợ gốc: 4.580.079.611 đồng; Nợ lãi trong hạn 509.681.761 đồng; Nợ lãi quá hạn 56.110.140 đồng.

2.2. Các bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Ông Đoàn Trung Đ1 và bà Ngô Thị H có trách nhiệm phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 13/8/2025 là: 5.145.871.512 đồng, trong đó: Nợ gốc: 4.580.079.611 đồng; Nợ lãi trong hạn 509.681.761 đồng; Nợ lãi quá hạn 56.110.140 đồng, cụ thể:

- Trả nợ cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/8/2025 là: 4.873.215.656 đồng, trong đó: nợ gốc 4.351.075.630 đồng, nợ lãi trong hạn 468.835.393 đồng, nợ lãi quá hạn 53.304.633 đồng.

- Trả nợ cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/8/2025 là: 272.655.856 đồng, trong đó: nợ gốc 229.003.981 đồng, nợ lãi trong hạn 40.846.368 đồng, nợ lãi quá hạn 2.805.507 đồng.

Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/8/2025 theo các hợp đồng: Hợp đồng cho vay số LN2210167104840 ký ngày 21/10/2022, Hợp đồng cho vay số LN2103093456127 ký ngày 12/04/2021, Hợp đồng cho vay số LN2309110226348 ký ngày 22/09/2023, Hợp đồng cho vay số LN2104223650119 ký ngày 27/04/2021, Hợp đồng cho vay số LN2406283053534 ký ngày 04/07/2024, Hợp đồng cho vay số LN2309200311686 ký ngày 28/09/2023. Thời hạn trả nợ chậm nhất là vào ngày 15/9/2025.

2.3. Trường hợp nếu đến hạn thanh toán theo thỏa thuận mà ông Đoàn Trung Đ1 và bà Ngô Thị H không trả được nợ, vi phạm thời hạn trả nợ như đã cam kết nêu trên, thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay để xử lý thu hồi toàn bộ khoản vay là:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 606, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã S, tỉnh Thanh Hóa) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 786152, Số vào sổ cấp GCN: CH02208 do Ủy Ban Nhân Dân Huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày

19/09/2016. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2103093456127/06; Số Công chứng 3691; Quyển số 02/2021 TP/CC-SCC/HDGD ký ngày 12/04/2021 tại văn phòng C. Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 02/PLHĐ ký ngày 20/09/2023.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã S, tỉnh Thanh Hóa) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 386390, Số vào sổ cấp GCN: CH00499 do Ủy Ban Nhân Dân Huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06/06/2012. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2103093456127/05; Số Công chứng 3690; Quyển số 02/2021 TP/CC-SCC/HDGD ký ngày 12/04/2021 tại văn phòng C. Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 02/PLHĐ ký ngày 20/09/2023. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

2.4. Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ các tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M thì ông Đoàn Trung Đ1 và bà Ngô Thị H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay./.

2.5. Về án phí: Ông Đoàn Trung Đ1 và bà Ngô Thị H phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.572.900 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.618.000 đồng và Công ty Cổ phần M (M) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.361.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006278 ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thanh Hóa).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 8 – Thanh Hóa;
- Phòng THADS khu vực 8 – Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tiến